

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2021/HNGĐ-PT

Ngày 23-02-2021

“V/v tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN**

**- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Bích Tuyền

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Cảnh

Bà Trịnh Thị Phúc

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Mai Yến Khanh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

**- Đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa:** Bà Đặng Thị Cẩm Chi - Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 02 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An mở phiên tòa để xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 59/2020/TLPT-HNGĐ ngày 19 tháng 11 năm 2020 về “tranh chấp ly hôn”.

Do Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 98/2020/HNGĐ-ST ngày 30 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Bến Lức bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2020/QĐ-PT ngày 24 tháng 11 năm 2020, giữa:

**1. Nguyên đơn:** Chị Phạm Thị Ngọc T, sinh năm 1990;

Địa chỉ: Số 26 Ấp 7B, xã M, huyện B, tỉnh Long An.

**2. Bị đơn:** Anh Trần Ngọc K, sinh năm 1986;

Địa chỉ thường trú: Ấp B, xã B1, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Tạm trú: Số 26 Ấp 7B, xã M, huyện B, tỉnh Long An.

**3. Người kháng cáo:** Bị đơn anh Trần Ngọc K.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 17 tháng 3 năm 2020 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Phạm Thị Ngọc T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh K tự nguyện tìm hiểu và được gia đình hai bên đồng ý tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện B, tỉnh Long An vào năm 2014.

Sau khi cưới, vợ chồng chung sống với gia đình chị tại xã M, huyện B, tỉnh Long An. Cuộc sống vợ chồng thời gian đầu hạnh phúc, nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh K không lo làm ăn, thường xuyên uống rượu bia, nhiều lần đánh chị. Chị đã cố gắng khuyên nhưng anh K không thay đổi, dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, cuộc sống chung không thể tiếp tục, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị và anh K mặc dù vẫn còn sống chung nhà, nhưng tình cảm vợ chồng đã rạn nứt không thể hàn gắn. Nay chị xác định không còn tình cảm với anh K nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.

Về nuôi con chung: Giữa chị và anh K có hai con chung tên Trần Phạm T Thúy sinh ngày 02 tháng 5 năm 2014 và Trần Phạm Thiên Bảo sinh ngày 05 tháng 11 năm 2015. Sau khi ly hôn, chị yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu anh K cấp dưỡng cho con.

Về sản chung và nợ chung: Tài sản chung không yêu cầu giải quyết, cam kết không có nợ chung.

Tại bản tự khai ngày 20 tháng 9 năm 2020 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, anh K trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh thống nhất với lời trình bày của chị T về quá trình xác lập quan hệ vợ chồng, thủ tục đăng ký kết hôn. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc không có mâu thuẫn gì lớn, anh cũng thừa nhận là hay uống rượu bia, không chăm sóc cho vợ con, nhưng chị T không có góp ý để anh sửa đổi, nếu chị T rút đơn lại anh đồng ý sẽ bỏ nhậu; đồng thời anh yêu cầu chị T hằng ngày phải nấu cơm cho anh, để cuộc sống vợ chồng gắn bó hơn. Hiện nay, anh vẫn còn thương vợ, mong muốn hàn gắn tình cảm, muốn các con có đủ cha mẹ, nên anh không đồng ý ly hôn với chị T.

Về nuôi con chung: Giữa chị và anh K có hai con chung tên Trần Phạm T Thúy sinh ngày 02 tháng 5 năm 2014 và Trần Phạm Thiên Bảo sinh ngày 05 tháng 11 năm 2015. Sau khi ly hôn, anh yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Tài sản chung không yêu cầu giải quyết, cam kết không có nợ chung.

Tòa án tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng không thành. Chị T vẫn cương quyết yêu cầu ly hôn, các bên không thống nhất được việc giải quyết vụ án. Vì vậy, Tòa án đưa vụ án ra xét xử.

Tại bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 98/2020/HNGĐ-ST ngày 30 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Bến Lức đã căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều

27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T đối với anh K.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị T được ly hôn với anh K.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Phạm T Thúy, sinh ngày 02 tháng 5 năm 2014 và Trần Phạm Thiên Bảo, sinh ngày 05 tháng 11 năm 2015 cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng. Anh K không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích con chung, Tòa án có thể ra quyết định thay đổi việc nuôi con hoặc mức cấp dưỡng khi có yêu cầu của một hoặc hai bên.

Trường hợp, bên không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bên trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, nhưng được khấu trừ 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002279, ngày 18 tháng 8 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bến Lức, tỉnh Long An. Chị T đã nộp xong án phí.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo; quyền và nghĩa vụ của các đương sự ở giai đoạn thi hành án.

Bản án chưa có hiệu lực pháp luật.

Ngày 02 tháng 10 năm 2020, bị đơn anh K kháng cáo toàn bộ bản án, yêu cầu cấp phúc thẩm bác yêu cầu khởi kiện của chị T.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đồng thời xác định lại yêu cầu kháng cáo là không đồng ý ly hôn nếu Tòa án cho ly hôn thì anh yêu cầu được nuôi 01 con chung là cháu Trần Phạm T Thúy, sinh ngày 02 tháng 5 năm 2014, không yêu cầu chị T cấp dưỡng cho con.

*Nguyên đơn chị T trình bày:* Chị không đồng ý yêu cầu kháng cáo của anh K vì cuộc sống chung không xây dựng được gia đình hạnh phúc. Anh K uống rượu thường xuyên, sáng sớm dậy đã thấy uống rượu. Chị đã nhiều lần khuyên nhưng anh K không thay đổi nên việc anh K hứa cho anh 06 tháng để thay đổi là điều anh K không thể thực hiện được. Anh K khi say xỉn có hành vi chửi và đánh chị, cũng đã nhiều lần báo chính quyền địa phương lập biên bản và xử phạt anh K. Nên việc anh K yêu cầu nuôi con chung là cháu Trần Phạm T Thúy chị không đồng ý vì cháu trước sống cùng chị, do chị trực tiếp chăm sóc, cháu thấy cha say xỉn thì cháu rất sợ.

*Bị đơn anh K trình bày:* Anh xác định còn thương vợ con, không đồng ly hôn vì thương hai con nhỏ, muốn cùng chị T để chăm sóc 02 con chung trưởng

thành. Anh xin chị T cho anh thời gian 06 tháng để anh sửa đổi. Anh đi làm công việc thợ hồ và có uống rượu bia nhưng không thường xuyên, cuộc sống vợ chồng ít cùng nhau chia sẻ với nhau. Nếu Tòa án cho ly hôn thì anh yêu cầu được nuôi con chung là cháu Trần Phạm T Thúy, sinh ngày 02 tháng 5 năm 2014, không yêu cầu chị T cấp dưỡng cho con. Sau đó anh sẽ đưa cháu về nhà ông bà nội tại Tiền Giang để sinh sống và có ông bà nội hỗ trợ giúp anh trong việc chăm sóc cháu.

Các đương sự không có thỏa thuận gì khác.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu:

Cấp phúc thẩm thực hiện đúng pháp luật về tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình. Bị đơn kháng cáo đúng quy định tại các Điều 273, Điều 276 của Bộ luật Tố tụng Dân sự nên đủ điều kiện xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Về yêu cầu kháng cáo: Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do anh K thường xuyên uống rượu bia, không quan tâm đến vợ con, vợ chồng không cùng nhau quan tâm chia sẻ dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay anh K kháng cáo không đồng ý ly hôn muốn hàn gắn để cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc nhưng chị T cương quyết yêu cầu ly hôn, anh K cũng không đưa ra được giải pháp gì để hàn gắn nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh K. Án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T là có căn cứ.

Về con chung, sau khi ly hôn cả hai đều có nguyện vọng nuôi con, anh K, yêu cầu được nuôi cháu Thúy, sinh ngày 02 tháng 5 năm 2014 nhưng cháu hiện đang sống cùng chị T, để đảm bảo về điều kiện sống tốt cho cháu, không bị xáo trộn nên án sơ thẩm giao 02 con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là có căn cứ. Nên yêu cầu của anh K không có căn cứ chấp nhận.

Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự bác toàn bộ yêu cầu kháng cáo của anh K, giữ nguyên bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 98/2020/HNGĐ-ST, ngày 30 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Kháng cáo của bị đơn anh K hợp lệ nên vụ án được xem xét lại theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về phạm vi xét xử phúc thẩm: Kháng cáo về toàn bộ bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Căn cứ phạm vi xét xử phúc thẩm quy định tại Điều 293 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án cấp phúc thẩm xem xét nội dung vụ án có liên quan đến kháng cáo.

[3] Xét kháng cáo của anh K thấy rằng: Anh K không đồng ý ly hôn vì cho rằng còn tình cảm với chị T muốn cùng chị T nuôi dạy 02 con tốt. Nếu Tòa án

cho ly hôn thì anh yêu cầu được nuôi dưỡng con chung là cháu Thuý, sinh ngày 02 tháng 5 năm 2014, không yêu cầu chị T cấp dưỡng cho con. Tuy nhiên, chị T cương quyết yêu cầu ly hôn vì xác định không còn tình cảm với anh K.

[3.1] Xét thấy, cả hai đều thừa nhận cuộc sống chung có mâu thuẫn và hai bên không chia sẻ được chuyện gia đình với nhau, anh K làm công việc thợ hồ thường xuyên uống rượu bia và cũng không cùng vợ chia sẻ về kinh tế để cùng nhau chăm sóc nuôi dạy con. Anh K không muốn ly hôn nhưng không có biện pháp gì để hàn gắn để xây dựng hạnh phúc gia đình. Mặc khác, khi một bên cương quyết ly hôn một bên muốn hàn gắn thì sẽ rất khó xây dựng được một gia đình hạnh phúc. Vì vậy, cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T là có căn cứ.

[3.2] Đối với con chung, nếu Tòa án quyết định ly hôn anh K có nguyện vọng nuôi con chung là cháu Thuý và sẽ đưa cháu về Tiền Giang để sinh sống cùng ông bà nội, ông bà sẽ giúp anh trong việc chăm sóc cháu. Tuy nhiên, xét về công việc thì thu nhập anh K làm thợ hồ không ổn định, các cháu hiện đang sống chung chị T và ông bà ngoại từ khi sinh ra đến nay nên để đảm bảo không xáo trộn về cuộc sống thì cần để 02 con chung cho chị T trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng; mặt khác chị T là người trực tiếp chăm sóc 02 con chung, có thu nhập ổn định nên cấp sơ thẩm giao 02 con chung cho chị T chăm sóc là có căn cứ. Vì vậy, yêu cầu nuôi con chung của anh K không có căn cứ chấp nhận.

[4] Từ nhận định mục [3] bác toàn bộ kháng cáo của anh K, giữ nguyên bản án Hôn nhân sự sơ thẩm số 98/2020/HNGĐ-ST ngày 30 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An như đề nghị của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An có căn cứ chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên anh K phải chịu án phí theo Điều 148 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Khấu trừ tiền tạm ứng án phí sang án phí.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn anh Trần Ngọc K;

Giữ nguyên Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 98/2020/HNGĐ-ST ngày 30 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Phạm Thị Ngọc T đối với anh Trần Ngọc K.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Phạm Thị Ngọc T được ly hôn với anh Trần Ngọc K.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Trần Phạm T Thuý, sinh ngày 02 tháng 5 năm 2014 và Trần Phạm Thiên Bảo, sinh ngày 05 tháng 11 năm 2015 cho chị Phạm Thị Ngọc T tiếp tục nuôi dưỡng. Anh Trần Ngọc K không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích con chung, Tòa án có thể ra quyết định thay đổi việc nuôi con hoặc mức cấp dưỡng khi có yêu cầu của một hoặc hai bên.

Trường hợp, bên không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bên trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Phạm Thị Ngọc T phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng nhưng được khấu trừ 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002279, ngày 18 tháng 8 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bến Lức, tỉnh Long An. Chị Phạm Thị Ngọc T đã nộp xong án phí.

4. Án phí Hôn nhân và gia đình phúc thẩm: Anh Trần Ngọc K phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng). Khấu trừ 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0002364, ngày 02 tháng 10 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bến Lức, tỉnh Long An (anh Trần Ngọc K đã nộp đủ án phí phúc thẩm).

Án xử công khai phúc thẩm có hiệu lực pháp luật thi hành ngay sau khi tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TAND CC tại Tp. HCM;
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện Bến Lức;
- Chi cục THADS huyện Bến Lức;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thị Bích Tuyền**